TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-PT.
Ngày: 25-6-2019
V/ v "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán

1. Ông Nguyễn Văn Quế
2. Bà Dương Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:*** Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2019/QĐXX-PT ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Đức T, sinh năm 1957

Trú tại: Tổ 11, phường Đ, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thu H, sinh năm 1960

Trú tại: Tổ 7, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đắc T và ông Phùng Văn C là luật sư thuộc Công ty Luật TNHH M- Đoàn luật sư thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông Lâm Đức T trình bày: Ông Lâm Đức T và bà Lê Thu H đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân Thành phố N. Tại Quyết định số 117/2014/HNGĐ – ST ngày 23/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định ông và bà Lê Thu H được ly hôn. Về tài sản chung vợ chồng ông tự

thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn do không thỏa thuận được với bà H về phần tài sản chung, nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung với bà H. Ông xác định tài sản chung của ông và bà H cụ thể như sau:

+ 01 nhà xây 03 tầng trên diện tích đất thổ 68m2 thuộc thửa số 429 tờ bản đồ số 02 được UBND thành phố N cấp ngày 24/12/1994 mang tên ông Lâm Đức T.

+ 01 ki ốt bán hàng trên diện tích đất thổ cư 56m2 thuộc thửa số 341 tờ bản đồ số 10 được UBND thành phố N cấp ngày 09/12/2011 mang tên bà Lê Thu H và ông Lâm Đức T.

Ngoài ra không có tài sản gì khác. Về nợ chung, ông và bà H không nợ ai, không cho ai vay khoản tiền nào.

Ông T yêu cầu được chia đôi khối tài sản trên, yêu cầu được sử dụng ki ốt bán hàng trên diện tích đất thổ cư 56m2 thuộc thửa số 341 tờ bản đồ số 10; bà H sử dụng 01 nhà xây 03 tầng trên diện tích đất thổ 68m2 thuộc thửa số 429 tờ bản đồ số 02.

Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý vụ án, giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác để giải quyết tranh chấp giữa ông T và bà H, bà H có nhận và ký vào các biên bản nhưng bà H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Toà án đã tiến hành tống đạt quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp theo đơn yêu cầu của Nguyên đơn nhưng bà H không hợp tác và cố tình vắng mặt tại buổi thẩm định và định giá tài sản tranh chấp. Do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà H theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt công khai hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, lần 2 cho bà H tại tổ dân phố và chính quyền địa phương để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản án số 76/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ các Điều 28,35,143,146,147, khoản 2 Điều 227 Luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 59,60,61 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật án phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của ông Lâm Đức T và bà Lê Thu H.

1.1. Giao cho ông Lâm Đức T sở hữu, sử dụng: 01 ki ốt bán hàng trên diện tích đất thổ cư 56m2 thuộc thửa số 341 tờ bản đồ số 10; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 000942 do UBND thành phố N cấp ngày 09/12/2011 mang tên bà Lê Thu H, ông Lâm Đức T. Có tổng giá trị: **938.394.800 đồng(**Chín trăm ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm đồng)

1.2. Giao cho bà Lê Thu H sở hữu, sử dụng: 01 nhà xây 03 tầng trên diện tích đất thổ 68m2 thuộc thửa số 429 tờ bản đồ số 02 , Giấy CNQSD đất (Số vào sổ 00309) do UBND thành phố N cấp ngày 24/12/1994 mang trên ông Lâm Đức T. tổng trị giá là: **965.279.200 (**Chín trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm đồng)

Ông Lâm Đức T không yêu cầu bà Lê Thu H phải thanh toán phần chênh lệch giá trị khối tài sản trên, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 40.151.844 đ (Bốn mươi triệu một trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm bốn mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào ngân sách Nhà n□ớc, được trừ 12.000.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005999 ngày 01/03/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền 28.151.844 đ (Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi bốn nghìn) .

Bà Lê Thu H phải chịu 40.958.376 đ (Bốn mươi triệu chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2018 (công văn đến 26/11/2018) bị đơn bà Lê Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 76/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N với nội dung: Hội đồng xét xử vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 70, không chấp nhận đơn xin hoãn phiên tòa để bà H nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Vi phạm nghiêm trọng quy định xem xét đánh giá các tài liệu, chứng cứ cụ thể: Năm 2012 khi xây nhà bà H có vay tiền của anh chị em bà tại Cao Bằng để làm nhà, năm 2016 sau khi ly hôn con trai Lâm Tiến Th cho vay 100.000.000đồng để làm mái tôn chống nóng tầng 3 trên thửa đất 429 tờ bản đồ số 10 diện tích 68m^2, khi vay không có giấy tờ vay. Tòa án nhân dân thành phố N không đưa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Việc định giá tài sản bà H không có mặt nhưng Tòa án vẫn định giá là vi phạm. bà H đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa bà H cung cấp các giấy vay tiền của anh Lê Viết C 300.000.000đồng; chị Lê Thị L số tiền 200.000.000đồng, chị Lê Thị P 200.000.000đồng, anh Lê Phương Đ số tiền 300.000.000đồng, vay con trai Lâm Tiến Th 100.000.000 đồng để làm mái chống nóng (không có giấy vay); 01 quyển sổ ghi chép các khoản chi phí khi xây nhà năm 2012; 01 giấy cho tiền làm nhà của bà Nguyễn Thị Th; Giấy xác nhận, nhận tiền vật liệu xây nhà của Vũ Văn Th, Ngô Thị L, Nguyễn Văn H, Kiều Đức A, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn B, Ngô Minh H, Bùi Thị L, Nguyễn Việt H, Nguyễn Thị Đ.

Tại phiên tòa bà H trình bày: Án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tài sản chung, không còn tài sản chung nào chưa được chia. Tuy nhiên, năm 2012 khi vợ chồng xây nhà do không có tiền nên mẹ đẻ của bà cho tiền (có giấy cho tiền), bà là người trực tiếp vay tiền của anh chị em trong gia đình bà và ký giấy vay, ông T không có chữ ký trong giấy vay tiền, mục đích vay tiền để làm nhà bà đề nghị ông T phải có trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay đó. Toàn bộ mái chống nóng tầng 3 trên diện tích đất thổ 68m2 thuộc thửa số 429 tờ bản đồ số 02 là do con trai Lâm Tiến Th cho vay 100 triệu. Bà H đề nghị mỗi người phải trả cho anh Th 50 triệu đồng, bà H đề nghị được sử dụng nhà đất có ki ốt cho thuê.

Ông T trình bày: Ông và bà H không vay nợ ai, ông không thừa nhận có khoản nợ chung như bà H trình bày, năm 2012 khi ông và bà H còn là vợ chồng, toàn bộ tiền của ông làm được đều đưa cho bà H quản lý kể cả tiền gửi tiết kiệm ông và bà cùng đi gửi. Ông T là người trực tiếp làm nhà, khi trả tiền bà H trực tiếp trả, ông T xác định số tiền làm nhà gần 600 triệu. Tại phiên tòa bà H xuất trình các giấy vay tiền ông T hoàn toàn không biết và khẳng định không có nợ chung. Ông T nhất trí trả cho anh Th công sức làm mái tôn chống nóng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn Lê Thu H trình bày quan điểm: Tòa án nhân dân thành phố N vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc lập các biên bản không ghi thời gian lập biên bản và kết thúc lập biên bản, trong quyết định đưa vụ án ra xét xử thư ký phiên tòa bà Phan Thị Q nhưng tại phiên tòa ngày 31/10/2018 thư ký phiên tòa là bà Hoàng Thị H, Tòa án thành phố N không có quyết định thay đổi thư ký phiên tòa. Quyết định phân công Kiểm sát viên có sau thời điểm mở phiên tòa. Vi phạm nghiêm trọng về quyền yêu cầu mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cấp sơ thẩm không xem xét đơn xin hoãn phiên tòa để đương sự mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình dẫn đến ngày 31/10/2018 bà H không có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét đánh giá các chứng cứ khách quan mà nghe ý kiến của một bên là không có căn cứ, bà H trình bày có khoản nợ chung, Tòa án cấp sơ thẩm thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ, tại phiên tòa anh Th là con trai của bà H và ông T có thỏa thuận thanh toán nợ nhưng thỏa thuận này là vi phạm vì cấp sơ thẩm chưa xem xét. Về định giá tài sản cấp sơ thẩm chỉ đỉnh giá theo giá nhà nước không định giá theo giá thị trường là không đảm bảo quyền lợi của đương sự, bà H cung cấp sổ ghi chép và xác nhận của những người cung cấp vật liệu chi phí xây nhà khoảng 1,2 tỷ, ông T chỉ thừa nhận xây nhà hơn 500 triệu đồng là không có căn cứ. Lời khai của bà H có căn cứ chấp nhận. Do nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên ph át biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thu H. Căn cứ khoản 3 Điều 308 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 76/2018/ HNGĐ - ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thu H làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay bà H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[2] Về nội dung: Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Do quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố N bà H không hợp tác, không cung cấp các tài liệu chứng cứ đối với các khoản nợ và công sức đóng góp của anh Lâm Tiến Th và không có ý kiến đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

[3] Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bà H cung cấp các giấy vay tiền (theo bà H xác định đó là khoản nợ chung của bà H và ông T). Anh Th là con trai của bà H và ông T xác định, anh có chi phí tiền để làm mái trống nóng nhà 3 tầng. Tại phiên tòa ông T không thừa nhận có khoản nợ chung như bà H trình bày, thừa nhận có công sức của anh Th trong khối tài sản chung của ông và bà H. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết, cần phải làm rõ có khoản nợ chung và công sức của anh Th trong khối tài sản chung của ông T và bà H không? Nếu có thì cần đưa những người cho vay tiền và anh Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về việc thay đổi người tiến hành tố tụng là thư ký ghi biên bản phiên tòa và phân công kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đó là theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71 ngày 24/9/2018 thì thời gian mở phiên tòa ngày 08/10/2018, phiên tòa hoãn xét xử lý do vắng bị đơn lần thứ nhất, tại quyết định hoãn phiên tòa có thành phần của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa, tuy nhiên quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa ngày 12/10/2018 sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/10/2018. Việc thay đổi thư ký phiên tòa, theo Điều 51 và Điều 56 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Trước khi mở phiên tòa việc thay đổi thư ký Tòa án do Chánh án Tòa án quyết định". Thư ký phiên tòa không được Chánh án phân công là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Do vụ án tại cấp phúc thẩm có phát sinh tình tiết mới mà cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, chứng minh và có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện, bổ sung được. Kháng cáo của bà H có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết theo thẩm quyền.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện VKS tỉnh Thái Nguyên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thu H đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310; Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Lê Thu H. Hủy toàn bộ bản sơ thẩm 76/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 về vụ án "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn" của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Án phí sơ thẩm được tính lại khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thu H không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0007000 ngày 30/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP N;
- THADS TP N;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương